

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-PT.

Ngày: 19 - 8 - 2024.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất về danh giới đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai Hương và ông Nguyễn Đức Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 26 tháng 7 và ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất về danh giới đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS -ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 26/7/2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư thuộc Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam và bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Kiều T1, bà Lương Thị Thu H2 thuộc Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ổ, sinh năm 1940 và ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1939; đều có địa chỉ tại: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ổ, ông T2: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà D, ngõ A đường L, tổ E, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ổ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Ông H bà O là vợ chồng cùng có quyền sử dụng 02 thửa đất, bao gồm thửa số 136, diện tích 75m² và thửa số 137, diện tích 200m² cùng tờ bản đồ số 8 tại thôn C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G329073 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 677 QSDĐ/368 QĐ/UB ngày 22/11/1995. Trong đó, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 8 có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Tây giáp đất vườn nhà bà Ổ, ông T2 (thửa số 139) và nhà ông bà H, X (thửa số 106). Phía Nam giáp thửa đất ở số 263, tờ bản đồ số 8 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 124427, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 558QSDĐ/368QĐ/UB do UBND huyện B cấp ngày 22/11/1995 cho mẹ bà O cụ Hoàng Thị D1 (chết ngày 25/5/2000). Phía Đông giáp thửa đất ở số 136, tờ bản đồ số 8. Phía Bắc giáp nhà vợ chồng bà Ổ, ông T2 (thửa số 139) và nhà ông T4 (thửa số 140).

Năm 1987 gia đình ông bà đã bắt đầu xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt trên phần lớn diện tích. Tại thửa đất số 137, một phần diện tích (khoảng 10m²) ở cạnh phía Tây (giáp đất vườn nhà bà Ổ, ông T2), ông bà để lại làm lối đi. Thời điểm đó, gia đình ông bà cũng đã xây mốc giới tại điểm giao của 02 cạnh phía Bắc và phía Tây, chạy dài xuống cạnh phía Nam của thửa đất 137. Cạnh liền kề với nhà ông bà Hùng X1, gia đình ông bà xây dựng nhà bếp để phục vụ sinh hoạt của gia đình.

Sau đó đến năm 2006 - 2008 ông bà không nhớ thời gian cụ thể; Nhà nước đã tiến hành đo hiện trạng sử dụng đất để lập bản đồ thì ông bà đã được đo sáp nhập 03 thửa đất là thửa 136 diện tích 200m², thửa 137 diện tích 75m² và thửa 263 diện tích 130m² để thành 01 thửa lớn là thửa 100 tờ bản đồ PL4 diện

tích 405m². Tuy nhiên cho đến nay ông bà vẫn chưa thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2008.

Đến ngày 26/8/2022 vợ chồng bà Ó, ông T2 chủ sử dụng thửa đất liền kề (thửa số 139) cạnh phía Bắc và phía Tây với thửa đất 137 của gia đình ông bà đã có hành vi đập phá mốc giới và nhà bếp của gia đình ông bà để lấn, chiếm đất nhằm xây dựng nhà vệ sinh và nhà bếp. Ông bà đã ngăn cản, không đồng ý để họ xây dựng trên phần đất của mình. Sau đó, hai bên đã xảy ra xô xát, bà Ó và ông T2 còn có hành vi chửi bới, đe dọa và ngăn cản gia đình ông bà sử dụng đất của mình. Việc này có sự chứng kiến của các cán bộ thị trấn B và trưởng thôn Cao Cát. Qua các lần hòa giải do chính quyền địa phương tổ chức, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B tiến hành đo đạc, cắm mốc giới nhưng không được nên ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án xác định ranh giới đất giữa nhà ông bà với đất của nhà ông T2 bà Ó theo bản đồ địa chính năm 2008. Đồng thời ông bà yêu cầu bà Ó, ông T2 bồi thường thiệt hại tài sản cho ông bà tạm tính 4.000.000 đồng với lý do ông T2 bà Ó đã gây thiệt hại do đập phá mốc giới tạm tính 1.000.000 đồng, thiệt hại do đập phá nhà bếp tạm tính 3.000.000 đồng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H đều nhất trí với quan điểm của bà O và không bổ sung gì thêm.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ó và ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Gia đình vợ chồng ông bà hiện đang sinh sống trên mảnh đất tại thôn C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến nay khoảng hơn 60 năm, không tranh chấp, không kiện tụng. Sáu bên của mảnh đất này tiếp giáp với các hộ gia đình sau: Gia đình nhà ông N, gia đình nhà ông H, bà O, gia đình nhà ông T4, gia đình nhà ông P, gia đình nhà ông M, gia đình nhà ông bà H, X1. Chúng tôi là hàng xóm, láng giềng ở cạnh nhau đã hơn 60 năm nay, không tranh chấp, không kiện tụng. Trước kia ranh giới của các hộ gia đình là hàng rào cây chuối, dâm bụt. Sau những năm chín mươi của thế kỷ hai mươi, khi kinh tế phát triển, các gia đình đều xây tường bao và xây cổng, mọi người giao ước bằng miệng về mốc giới quyền sử dụng của các gia đình trước khi xây dựng nhà cửa. Từ đó đến nay các bức tường bao vẫn nguyên hiện trạng từ những năm 90 (chưa gia đình nào có sự thay đổi). Từ khi ông H về ở rể trên mảnh đất bên nhà vợ là bà O được một thời gian thì đến nay ông H làm đơn kiện gia đình nhà tôi lấn một góc nhỏ vườn của nhà ông (không có bằng chứng xác thực về việc gia đình nhà tôi lấn chiếm) vì gia đình ông bà không sửa chữa và xây dựng phát sinh thêm bất cứ hạng mục nào trên mảnh đất. Các gia đình còn lại đều công nhận gia đình ông bà không lấn chiếm, không sửa chữa và mảnh đất đó đến nay vẫn còn nguyên trạng nhưng

gia đình ông **H** vẫn kiên quyết kiện gia đình ông bà lấn chiếm góc vườn nhà ông **H** bà **O**. Qua nhiều lần cán bộ địa phương xuống hòa giải nhưng không thành. Tổng diện tích gia đình ông bà đang sử dụng được mua lại của 4 hộ gia đình gộp lại với diện tích mua bán là: mảnh thứ nhất 2 miếng, mảnh thứ 2 là 3,5 miếng, mảnh thứ 3 là 3,0 miếng, mảnh thứ 4 là 3,7 miếng, tổng diện tích nhà tôi là 1 sào 2,2 miếng. Ngày trước ông bà mua đất và nhượng lại đất với nhau và ra chỉ mốc đất và được sự chứng kiến của ba bên là người bán, người mua và gia đình giáp đất nhau và đánh dấu bằng hình thức hai bên thỏa thuận.

Sau này cán bộ đến đo đất và cấp sổ đỏ quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà, do hiểu biết kém và cũng nghĩ là đất nhà ông bà đến đâu thì cán bộ đo và tính ra mét ghi trong sổ đỏ như vậy nên gia đình ông bà cũng không ý kiến gì nữa vì tất cả các nhà bên đều xây kín hết rồi cho đến khi ông **H** có đơn kiện ông bà mới đi hỏi và biết được số m² đất ghi trong sổ đỏ của gia đình nhà ông bà là còn thiếu so với số đất ông đã mua trước đó là 39,2m². Hiện nay mảnh đất của gia đình ông bà đã được **UBND huyện B** cấp quyền sử dụng đất trên thửa đất số 98, tờ bản đồ PL4, địa chỉ **thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam** với diện tích 400m², hình thức sử dụng riêng 400m², mục đích sử dụng đất tại nông thôn, thời gian sử dụng lâu dài, nguồn gốc công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Qua nhiều thập kỷ sinh sống gia đình ông bà và hàng xóm không hề tranh chấp, coi nói, sửa chữa, cho đến thời điểm năm 2022 ông **H** ở rể tại nhà bà **O** tự nghĩ ra vấn đề tranh chấp, ông **H** kiện ông bà lấn chiếm, không hề có cơ sở vì ông **H** không sống ở đó nên không hiểu lịch sử mảnh đất này. Trong khi đó, từ khi ông **H** về đây sinh sống, ông **H** đã sử dụng lấn chiếm đất công cộng trên con ngõ của dân dẫn vào nhà ông **H**, mở rộng cổng nhà ông **H** cho ô tô đi vào nhà, việc làm của ông **H** đang vi phạm, ông **H** không khắc phục lại đi kiện đòi đất nhà ông bà. Ông bà thấy việc ông **H**, bà **O** kiện ông bà lấn chiếm là không có cơ sở pháp lý, không có bằng chứng và không hiểu lịch sử của mảnh đất của ông bà đang ở. Vợ chồng ông bà sống trên mảnh đất này đến nay đã 86 tuổi, trải qua chiều dài lịch sử đất nước, lịch sử của **thôn C**, ông bà và các gia đình hàng xóm vẫn sinh sống hòa thuận nhiều thập kỷ nay, hiện trạng đất đai, vườn, nhà không hề thay đổi, cả cuộc đời ông bà sống trong đau khổ, gia đình tan nát do bố ông **T2** hy sinh vì cách mạng, bản thân ông bà luôn nuôi dạy con cái sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, việc kiện tụng tranh chấp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý, sức khỏe của vợ chồng ông bà.

Đối với yêu cầu ông **H** bà **O** kiện đòi bồi thường thiệt hại vì cho rằng ông bà đã phá lán của nhà ông **H**, bà **O** thì ông bà không nhất trí vì khi đó ông **H** bà **O** tháo dỡ lán cũ để xây lán mới thì ông bà chỉ ra ngăn cản chứ không phá vì cho rằng lán đó làm trên đất nhà ông bà; trên thực tế khi Tòa án về xem xét thẩm

định thì cũng đã xác định được một phần diện tích đất làm lán là trên đất của ông bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ khoản 6 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 104, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 175, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 5 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về xác định ranh giới đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do bị xâm phạm. Cụ thể như sau:

1.1. Xác định ranh giới giữa thửa đất số 100 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O với thửa đất số 98 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O là các mốc 5, 6, 7 và 8 trên sơ đồ vị trí mốc giới mà Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam cùng Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B và tổ dân phố C, thị trấn B lập ngày 05/3/2024 (các mốc này đã được bà O tự cắm mốc bằng các thanh sắt). Diện tích thửa đất số 100 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O theo ranh giới này là 401m².

Vị trí các mốc 5, 6, 7 và 8 được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/03/2024; cụ thể như sau: Mốc số 5 cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 3 giao với đoạn 4) = 40cm, cách chân móng tường nhà ông Hùng T5 = 37cm. Mốc số 6 cách đoạn tường số 2 = 20cm và cách tường nhà bà O = 40cm. Mốc số 7 cách góc tường T nhà bà O = 39cm và cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 1 giao với đoạn 2) = 05cm. Mốc số 8 cách mép chân móng nhà bà O = 30cm.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị O phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị O số tiền 1.500.000 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn T2 phải trả bà Nguyễn Thị O tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 7.729.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 07/6/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ổ kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của ông T2 và bà Ổ anh Nguyễn Văn D giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ổ về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS - ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; án phí phúc thẩm do kháng cáo của ông T2 và Ổ được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ổ trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Ổ.

[2.1]. Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xác định ranh giới đất, không chấp nhận quyết định của Tòa án đối với việc bị đơn phải chịu 1/2 chi phí tố tụng; Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

Năm 1995 bà Nguyễn Thị Ổ được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G329075 ngày 22/11/1995 chứng nhận được sử dụng đối với thửa đất số 139 tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính năm 1995 với diện tích 360m² đất ở, địa chỉ thửa đất tại thôn C, xã A nay là tổ dân phố C, thị trấn B. Đến những năm 2005, 2006 khi đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất bà Ổ đang sử dụng là 400m² và được thể hiện thửa 98 tờ bản đồ PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008. Bà Ổ đã thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

và đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008, được Ủy ban nhân dân huyện B công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 98 tờ bản đồ PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 với diện tích 400m².

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 17/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục phối hợp với Văn phòng Đ chi nhánh huyện B và UBND thị trấn B, tổ dân phố C cùng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, quá trình xem xét thẩm định phát lộ chân móng tường chìm dưới đất thì cả bà O và bà Ó đều nhận bức tường tìm thấy chìm dưới đất là của nhà mình nhưng bà O vẫn đề nghị Tòa án lấy số đo do Ủy ban nhân dân thị trấn B đo trước khi bà khởi kiện để làm căn cứ xác định ranh giới đất giữa nhà bà O với bà Ó. Tuy nhiên sau đó đến ngày 01/02/2024 Tòa án nhận được văn bản trình bày của bà O gửi qua dịch vụ bưu chính đề nghị Tòa án công nhận bức tường tìm thấy ngày 17/01/2024 là của mình và đây cũng là mốc giới (ranh giới) đất giữa nhà bà O với nhà bà Ó.

Ngày 05/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục phối hợp với Văn phòng Đ chi nhánh huyện B, UBND thị trấn B, tổ dân phố C tiếp tục xem xét thẩm định tại chỗ bằng cách đào để xác định toàn bộ chân móng tường xây gạch đỏ được tìm thấy ngày 17/01/2024; kết quả đào đã phát hiện thêm một chân móng tường mới nối với chân móng tường phát hiện ngày 17/01/2024 chạy về phía đất vườn nhà bà Ó. Kết quả xác định: Vị trí các mốc 5, 6, 7 và 8 được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/03/2024; cụ thể như sau: Mốc số 5 cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 3 giao với đoạn 4) = 40cm, cách chân móng tường nhà ông Hùng X1 = 37cm. Mốc số 6 cách đoạn tường số 2 = 20cm và cách tường nhà bà O = 40cm. Mốc số 7 cách góc tường T nhà bà O = 39cm và cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 1 giao với đoạn 2) = 05cm. Mốc số 8 cách mép chân móng nhà bà O = 30cm. Các mốc 5, 6, 7 và 8 đã được bà Ó tự đóng bằng những cọc sắt, việc tự nhận các mốc giới nêu trên của bà Ó là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi bà Ó tự nhận các mốc giới, Văn phòng Đ chi nhánh huyện B tiến hành đo đạc theo các mốc giới thì diện tích đất nhà bà Ó là 401m² so với 400m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2008 mà gia đình bà Ó đang sử dụng, như vậy diện tích đất nhà bà Ó được tăng thêm 01m². Như vậy, có căn cứ để khẳng định trong suốt quá trình sử dụng đất đến năm 2023 khi có tranh chấp về mốc giới giữa hai gia đình, gia đình bà Ó, ông T2 có sử dụng một phần đất giáp ranh với phần đất của gia đình bà O nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về xác định ranh giới đất là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự, do đơn khởi kiện của bà O được chấp nhận một phần nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn bà Ó, ông T2 phải chịu 1/2 chi phí đối với

số tiền thẩm định là có căn cứ theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nội dung kháng cáo của ông T2, bà O đối với yêu cầu trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy.

Toà án cấp sơ khi tiến hành thẩm định đã xác định chiếc lán của gia đình bà O không còn, không xác định được diện tích là bao nhiêu, không định giá được giá trị tài sản còn lại là bao nhiêu, không xác định lỗi của bà O đến đâu, giá trị sử dụng của chiếc lán đó còn hay hết. Việc Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ chứng cứ là các bản ảnh và đoạn video do bà O cung cấp để xác định bà O đã có hành vi tháo dỡ lán gây thiệt hại cho gia đình nhà bà O và tuyên buộc bà O, ông T2 phải bồi thường thiệt hại số tiền 1.500.000 đồng cho gia đình bà O là chưa có căn cứ xác đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nội dung kháng cáo của ông T2, bà O đối với yêu cầu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị O được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị O không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị O đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 6 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 104, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 5 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về xác định ranh giới đất được thể hiện như sau: Xác định ranh giới giữa thửa đất số 100 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O

với thửa đất số 98 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O là các mốc 5, 6, 7 và 8 trên sơ đồ vị trí mốc giới mà Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam cùng Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B và tổ dân phố C, thị trấn B lập ngày 05/3/2024 (các mốc này đã được bà O tự cắm mốc bằng các thanh sắt). Diện tích thửa đất số 100 tờ bản đồ số PL4 bản đồ hiện trạng thị trấn B lập năm 2008 mang tên bà O theo ranh giới này là 401m².

Vị trí các mốc 5, 6, 7 và 8 được xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/03/2024 cụ thể như sau: Mốc số 5 cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 3 giao với đoạn 4) = 40cm, cách chân móng tường nhà ông Hùng T5 = 37cm. Mốc số 6 cách đoạn tường số 2 = 20cm và cách tường nhà bà O = 40cm. Mốc số 7 cách góc tường T nhà bà O = 39cm và cách góc chân móng tường phát lộ (góc đoạn 1 giao với đoạn 2) = 05cm. Mốc số 8 cách mép chân móng nhà bà O = 30cm (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O buộc bà Nguyễn Thị O phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 1.500.000 đồng.

3. Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn T2 phải trả bà Nguyễn Thị O số tiền 7.729.500 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị O không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn

